Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. - Bãi bỏ Pháp lệnh về Thuế nông nghiệp đã được Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII thông qua ngày 30 tháng 1 năm 1989 và chế độ hiện hành thu tiền nuôi rừng đối với đất rừng trồng.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1994.

Điều 39. - Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 10 tháng 7 năm 1993.

Chủ tịch Quốc hội
NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 56-CP ngày 28-8-1993 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 5 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 1. - Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (dưới đây gọi chung là cơ sở), có sản xuất và tiêu thụ tại Việt Nam các mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đều thuộc đối tượng phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nơi nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là nơi cơ sở trực tiếp sản xuất ra hàng hóa đó.

Điều 2. - Mỗi mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt một lần và không phải nộp thuế doanh thu ở nơi sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất có tổ chức các cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thì nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tại nơi sản xuất và nộp thuế doanh thu theo ngành thương nghiệp tại nơi tiêu thụ sản phẩm.

Cơ sở sản xuất khi nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc phần nguyên liệu ở khâu trước (nếu có).

Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu xuất khẩu trong các trường hợp cụ thể sau đây không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc trực tiếp gia công cho nước ngoài.

- Hàng hóa do cơ sở sản xuất bán hoặc ủy thác cho doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế và giấy phép xuất khẩu. Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng thuộc diện

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu, nhưng không xuất khẩu mà đem bán trong nước thì ngoài việc phải nộp thuế doanh thu theo thuế suất kinh doanh thương nghiệp, còn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 3. - Căn cứ tính thuế đối với hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là số lượng hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế đơn vị hàng hóa và thuế suất.

Điều 4. - Số lượng hàng hóa tiêu thụ bao gồm số lượng, trọng lượng của mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt xuất ra để bán, để trao đổi hoặc để biếu tặng người khác hoặc tiêu thụ dùng sinh hoạt nội bộ của cơ sở.

Điều 5. - Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở sản xuất mặt hàng đó bán ra tại nơi sản xuất chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đối với hàng gia công, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của mặt hàng cùng loại hoặc của mặt hàng tương đương.

Đối với hàng thu mua (trong trường hợp thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở thu mua nộp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này), giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá mua vào tại nơi sản xuất chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp không xác định được giá tính thuế thì cơ quan thuế tỉnh hoặc cấp tương đương quy định giá tính thuế cho từng mặt hàng cụ thể theo nguyên tắc trên.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng đem biếu, tặng hay tiêu dùng nội bộ thực hiện theo những nguyên tắc quy định tại Điều này.

Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định mức giá tính thuế cho từng mặt hàng cụ thể.

Điều 6. - Mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo Biểu sau:

STT	Mặt hàng	Thuế suất (%)
1	**Thuốc hút:**	
	a) Thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu	70
	b) Thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu trong nước	52
	c) Thuốc lá điếu không có đầu lọc, xì gà	32
2	**Rượu:**	
	a) Rượu thuốc	15
	b) Các loại rượu khác	
	- Trên 40^{O}	90
	- Từ 30^{O} đến 40^{O}	75
	- Dưới 30^{O} kể cả rượu hoa quả	25
3	**Bia các loại**	90
	- Riêng bia hộp	75
4	**Pháo**	100

Thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu là loại thuốc lá sử dụng số lượng nguyên liệu sợi thuốc nhập khẩu từ 51% trở lên so với nguyên liệu sợi thuốc cần dùng cho sản phẩm đó.

Rượu thuốc chịu thuế suất 15% phải có đăng ký sản phẩm và giấy phép hoạt động của cơ sở sản xuất do Bộ Y tế cấp. Nếu không đủ những điều kiện này thì nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo thuế suất của loại rượu có độ tương ứng.

Chương III

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ VÀ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Điều 7. - Cơ sở sản xuất kinh doanh mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải thực hiện đầy đủ những quy định về kê khai, đăng ký, nộp thuế, vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về nội dung, thủ tục kê khai, đăng ký nộp thuế.

Điều 8. - Cơ sở sản xuất kinh doanh phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán theo Pháp lệnh Kế toán và thống kê ngày 10 tháng 5 năm 1988, chế độ lập chứng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

từ mua bán hàng, cung ứng dịch vụ thu tiền theo các quy định hiện hành.

Điều 9. - Khi cơ quan thuế có yêu cầu về tài liệu, số liệu có liên quan đến việc kiểm tra tính thuế, cơ sở kinh doanh có nhiệm vụ:

1. Cung cấp đầy đủ đúng hạn các hồ sơ, tài liệu, số liệu có liên quan đến việc tính thuế tiêu thụ đặc biệt;

2. Giải thích, chứng minh các khoản chưa rõ trong tờ khai, sổ sách, chứng từ kế toán.

Cơ sở kinh doanh không được viện lý do bí mật nghề nghiệp hoặc các lý do khác để từ chối xuất trình, cung cấp hoặc giải thích các tài liệu cần thiết nói trên theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế phải giữ bí mật nghề nghiệp về những tài liệu do cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp.

Điều 10. - Thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở sản xuất nộp. Trong trường hợp đặc biệt do sản xuất nhỏ phân tán, thuế tiêu thụ đặc biệt có thể do tổ chức, cá nhân thu mua nộp thay cho người sản xuất theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 11. - Việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt quy định như sau:

Cơ sở sản xuất có số thuế phát sinh lớn phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi bán hàng, trả hàng gia công theo thông báo của cơ quan thuế. Cơ quan thuế cử cán bộ quản lý thường xuyên tại cơ sở sản xuất, kiểm tra và đôn đốc để cơ sở nộp thuế kịp thời vào Kho bạc Nhà nước.

Trường hợp xuất hàng, kể cả xuất hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi, ủy thác... nhưng chưa thu được tiền thì hạn nộp thuế là ngày thu được tiền, nhưng chậm nhất không quá 14 ngày kể từ ngày phát hành thông báo thuế.

Đối với cơ sở sản xuất nhỏ, trên cơ sở khoán số lượng hàng hóa sản xuất tiêu thụ, thuế tiêu thụ đặc biệt nộp theo định kỳ vào ngày 10, ngày 20 và ngày cuối tháng theo thông báo của cơ quan thuế trong từng kỳ nộp thuế.

Trường hợp thuế tiêu thụ đặc biệt thu vào cơ sở thu mua thì cơ sở thu mua phải kê khai với cơ quan thuế nơi thu mua và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo từng lô hàng thu mua hoặc theo từng chuyến hàng trước khi vận chuyển.

Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo thuế, lệnh thu thuế hoặc quyết định xử phạt, thì ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế hoặc tiền phạt theo quy định, mỗi ngày chậm nộp còn bị phạt 0,2% (hai phần nghìn) trên số tiền nộp chậm.

Điều 12. -

1. Hàng đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi vận chuyển phải có biên lai nộp thuế hoặc giấy chuyển vận hoặc hóa đơn bán hàng đã đăng ký tại cơ quan thuế. Trường hợp chuyển kho hàng trong cùng một cơ sở sản xuất chưa tiêu thụ phải có giấy chuyển kho chưa nộp thuế do cơ quan thuế cấp.

2. Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt dự trữ tại các kho hàng, các cửa hiệu buôn bán phải có chứng từ chứng minh đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Bộ Tài chính quy định cụ thể việc phát hành, quản lý, sử dụng các chứng từ về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Chương IV

GIẢM THUẾ, MIỄN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 13. - Việc giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt quy định như sau:

a) Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ được xét giảm thuế tiêu thụ đặc biệt. Mức giảm theo tỷ lệ (%) thiệt hại về tài sản, nhưng không quá 50% số thuế phải nộp và không

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

quá 30% giá trị tài sản bị thiệt hại. Thời gian giảm thuế không quá 180 ngày kể từ sau thời điểm xảy ra thiệt hại và có xuất hàng;

b) Cơ sở sản xuất mới thành lập và chính thức sản xuất từ năm 1993 hoặc cơ sở mở rộng sản xuất, áp dụng công nghệ sản xuất mới nếu nộp đủ thuế tiêu thụ đặc biệt mà bị lỗ thì được xét giảm thuế theo từng năm. Mức giảm thuế tương ứng với số lỗ của từng năm nhưng không quá 30% (ba mươi phần trăm) số thuế phải nộp của năm đó. Thời gian được xét giảm thuế không quá hai năm.

Cơ sở sản xuất mới thành lập là cơ sở mới được đầu tư xây dựng theo quyết định của cấp có thẩm quyền, được cấp giấy phép sản xuất kinh doanh. Những cơ sở đã thành lập trước đây, nay chia tách, sáp nhập, đổi tên, giải thể rồi thành lập lại không thuộc đối tượng xét giảm thuế theo quy định này.

Trường hợp giảm thuế cho cơ sở mở rộng sản xuất hoặc áp dụng công nghệ mới chỉ xét trên phần hàng hóa tăng thêm so với sản lượng trước đó.

Bộ Tài chính quy định thủ tục khai báo để được miễn thuế, giảm thuế và quy định thủ tục, thẩm quyền xét miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 14. - Chính phủ có quy định riêng về chế độ khen thưởng đối với cơ quan thuế, cán bộ thuế hoàn thành nhiệm vụ được giao và người có công phát hiện các vụ vi phạm Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 15. - Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 1993 thay thế Nghị định số 352 - HĐBT ngày 2-10-1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Những quy định khác về thuế tiêu thụ đặc biệt trước đây trái với các quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 16. - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức việc thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 57-CP ngày 28-8-1993 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế lợi tức và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế lợi tức được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 6 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ LỢI TỨC

Điều 1. - Đối tượng nộp thuế lợi tức bao gồm các tổ chức kinh doanh hạch toán kinh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652661